TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **322/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung;

2. Ông Trần Phú Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 816/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thu T, sinh năm 1961 *(có mặt)*

Địa chỉ: Đường T, Phường M, Quận U, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1962 *(vắng mặt)*

Nơi cư trú cuối cùng: Đường T, Phường M, Quận U, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thu T trình bày: Tôi và ông B chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống ông B không làm tròn trách nhiệm với gia đình, hay vay mượn, đánh đề, cá cược từ đó dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Ông B đã bỏ đi, biệt tích từ năm 2015 và đã được Tòa án nhân dân Quận 10 tuyên bố mất tích theo Quyết định số 503/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018. Nay bà đề nghị Tòa án được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà T xác định bà và ông B có 02 con chung tên Đặng Thành Đạt sinh năm 1993 và Đặng Thu Ngân sinh năm 2000. Con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Đặng Văn B nhưng ông không có mặt. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng ông B vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đặng Văn B có nơi cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10. Ông B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

1.2 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thu T và ông Đặng Văn B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/92 cấp ngày 11/8/1992. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, bà T trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông B không có trách nhiệm với gia đình, cá cược, đánh đề, vay mượn khắp nơi làm cho gia đình không yên.

Về phía ông B, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông B không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa trình bày ý kiến, nguyện vọng.

Do đó, xét thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà T và Giấy khai sinh xác định bà T và ông B có 02 con chung Đặng Thành Đạt sinh năm 1993 và Đặng Thu Ngân sinh năm 2000. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời khai của bà T xác nhận thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của ông

B được nên chưa có đủ căn cứ xác định vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thu T được ly hôn với ông Đặng Văn B (Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/92 cấp ngày 11/8/1992).

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đặng Thành Đạt sinh năm 1993 và Đặng Thu Ngân sinh năm 2000. Con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiến tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016605 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND P.10, Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh